TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: **01**/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09/01/2019

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Xuân Toàn.**
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

2/ Ông Trương Đức Lâm.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 246/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXX- ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị Hồng H**, sinh năm 1993 (có mặt)

- *Bị đơn:* **Anh Lê Văn S,** sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/10/2018, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Hồng H) trình bày: Chị và anh Lê Văn S kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 19/12/2012. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh S làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, H phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh S hay chơi bời, không tu chí làm ăn, không có nghề nghiệp gì và không quan tâm đến vợ, con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh S không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Bị đơn (anh Lê Văn S) trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng H kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình một thời gian sau đó vợ chồng ra ở giêng. Thời gian vợ chồng sống H phúc từ khi kết hôn được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh xác định là do vợ chồng không thể có tiếng nói chung, anh tính khí nóng nảy và ham chơi, không quan tâm, để ý đến chị và các con, do vậy vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay và không quan tâm gì đến nhau mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà.

Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H vẫn còn nên việc chị H có đơn xin ly hôn anh không đồng ý, anh xin về đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng anh cũng không đưa ra được phương án, biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng với chị H nữa.

Về con chung: Chị H và anh S đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị H, sinh ngày 25/9/2013 và Lê Thị Hoài A, sinh ngày 19/01/2017, hiện cả hai cháu vẫn đang ở với chị H, anh S và đều phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết để chị nuôi cháu Hoài A, anh S nuôi cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S do không đồng ý ly hôn với chị H nên không có quan điểm gì về việc nuôi con chung cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị H và anh S đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2018 của chị Nguyễn Thị Hồng H đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn S (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 §iÒu 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Lê Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị H thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: vợ chồng chị H, anh S từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống H phúc, nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và sớm phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh S hay chơi bời và không thường xuyên quan tâm đến vợ, con nên vợ chồng hay cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, do vậy từ năm 2017 chị H và anh S đã sống ly thân cho đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Địa phương xác nhận không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S do các đương sự không đề nghị hòa giải ở địa phương, tuy nhiên địa phương xác định anh S là người ham mê cờ bạc là đúng, có lần cầm cả xe máy của chị H, tháng 12/2017 bị bắt về hành vi đánh bạc, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, trường hợp không hòa giải được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H vẫn cương quyết đề nghị được ly hôn, anh S không đồng ý do xác định tình cảm của anh đối với chị H vẫn còn, anh xin về đoàn tụ nhưng anh cũng xác định từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay hai bên không còn quan hệ qua lại tình cảm và quan tâm gì đến nhau nữa, anh cũng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh S là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị H cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Chị H và anh S đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị H, sinh ngày 25/9/2013 và Lê Thị Hoài A, sinh ngày 19/01/2017, hiện cả hai cháu vẫn đang ở với chị H, anh S và đều phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết để chị nuôi cháu Hoài A, anh S nuôi cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S do không đồng ý ly hôn với chị H nên không có quan điểm gì về con chung. Qua làm việc với địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh S hiện không có nghề nghiệp gì ổn định, chị H đi làm công nhân thu nhập thấp và cũng không thường xuyên ở nhà nên ít có điều kiện về thời gian và kinh tế để chăm lo được cho cả hai con. Mặt khác, hiện nay cháu Lê Thị Hoài A vẫn dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nhiều hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị H và anh S mỗi người nuôi dưỡng một con chung của vợ chồng là phù hợp, để các cháu có đủ điều kiện phát triển toàn diện tốt nhất.

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ cần giao cháu Lê Thị Hoài An, sinh ngày 19/01/2017 cho chị chị H nuôi dưỡng, anh Lê Văn S trực tiếp nuôi cháu Lê Thị H, sinh ngày 25/9/2013 là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị được nuôi con chung của chị H cần được chấp nhận. Anh S, chị H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. *Xét yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của hai bên thấy rằng:* Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Mặt khác, Hội đồng xét xử giao cho mỗi người nuôi một cong chung của vợ chồng nên việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[2].5. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* Chị H và anh S đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[3]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Lê Văn S.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi cháu Lê Thị Hoài A, sinh ngày 19/01/2017, Lê Văn S trực tiếp nuôi cháu Lê Thị H, sinh ngày 25/9/2013. Anh S, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh S, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001137 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Lê Văn S.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi cháu Lê Thị Hoài A, sinh ngày 19/01/2017, Lê Văn S trực tiếp nuôi cháu Lê Thị H, sinh ngày 25/9/2013. Anh S, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh S, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001137 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn